CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Petro Times

Ngày 30/09/2025	13,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.2%	**3.0%**	**14.8%**

DT thuần
Q3/25
1,177
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 120| 11.3%
YoY: ▲ 265| 29.0%

LN thuần
Q3/25
2.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.33| -32.1%
YoY: ▲ 1.18| 73.0%

LN sau thuế
Q3/25
2.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.92| -27.9%
YoY: ▲ 0.36| 17.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE (TTM)
Q3/25
4.9%
YoY: +/-▲ 0.0%

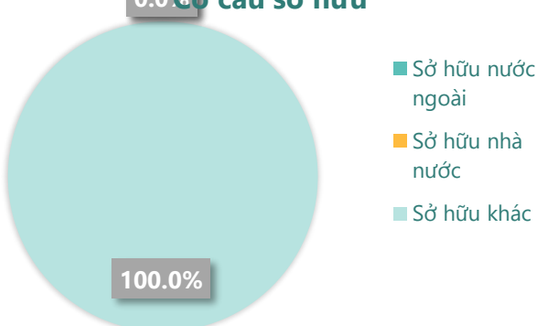
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,019 - 14,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	267
Số lượng CPLH (CP)	19,644,923
KLGD BQ 20 phiên (CP)	214,575
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.28
EPS	496
P/E	27.4

DT thuần
9T 2025
3,187
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 248| 8.4%

LN thuần
9T 2025
9.48
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.59| 20.1%

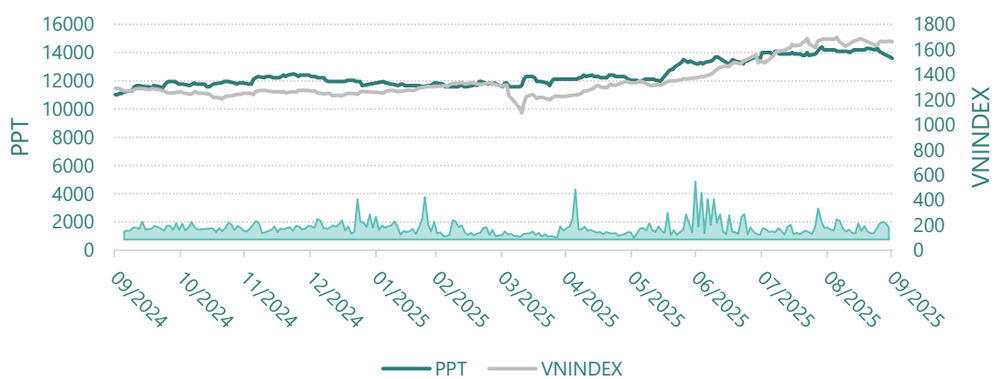
LN sau thuế
9T 2025
7.72
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.68| 9.7%

Cơ cấu sở hữu

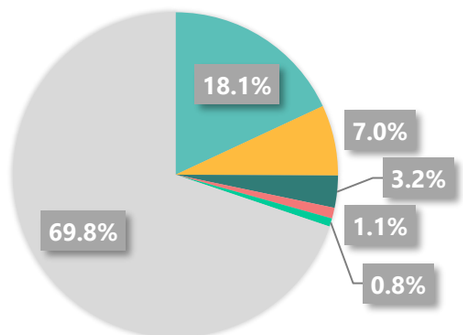


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

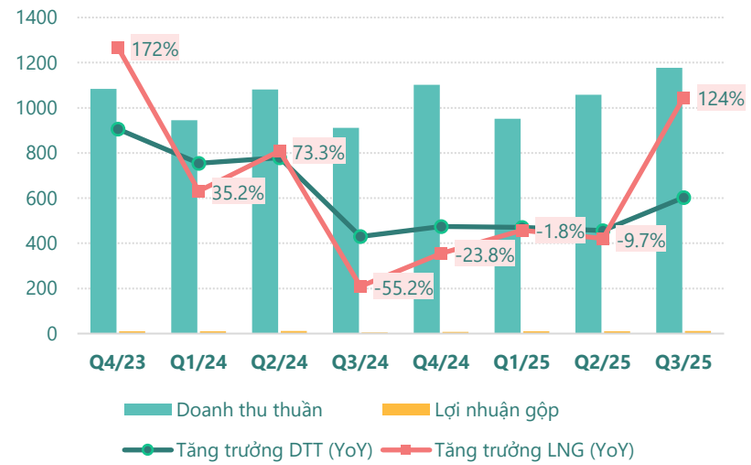


- Phạm Văn Kỳ (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Thị Ly (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Văn Trìu
- Nguyễn Thị Thà (Tổng giám đốc)
- Phạm Văn Trượng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

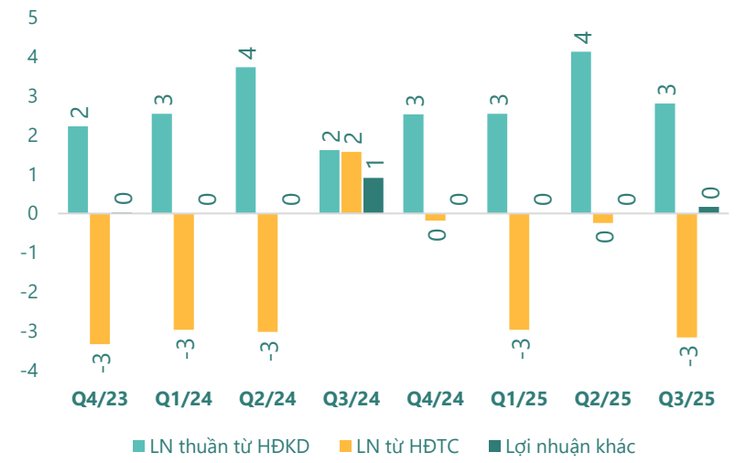
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



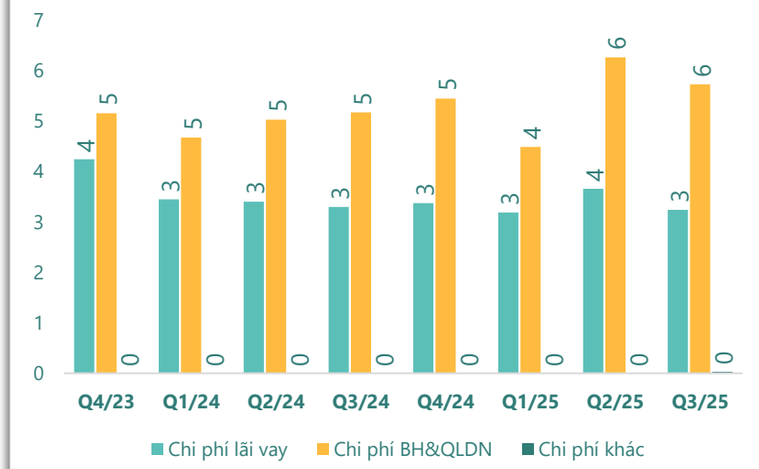
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



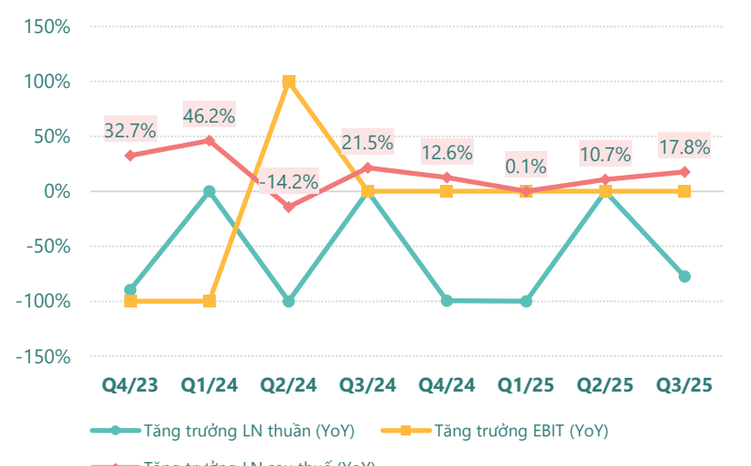
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



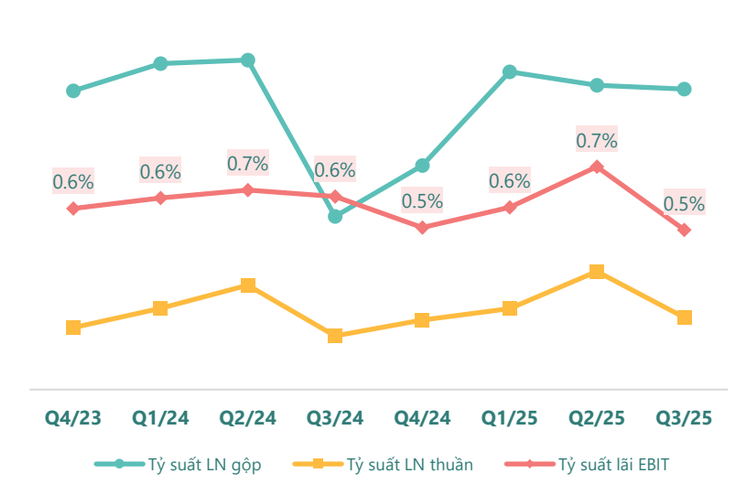
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



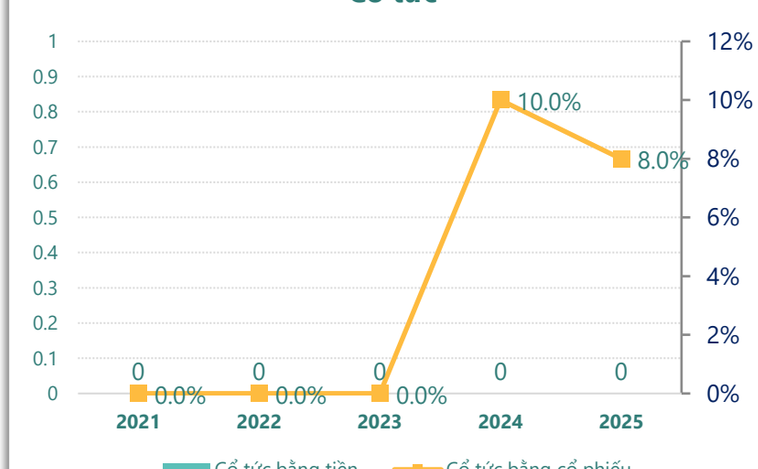
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

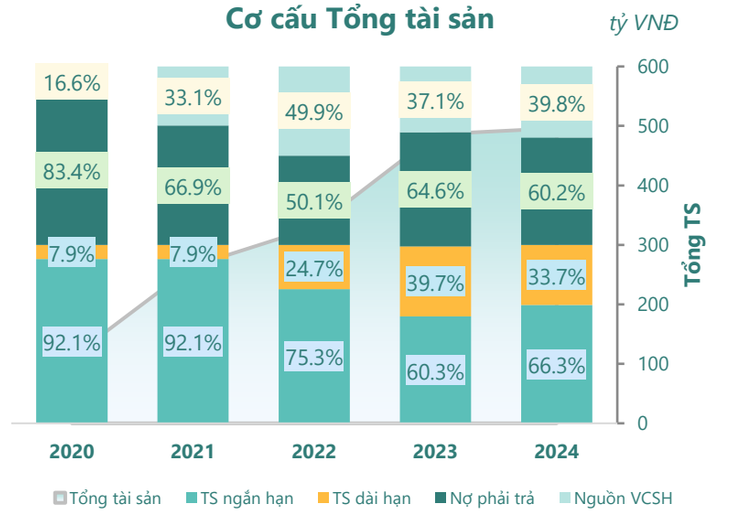
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

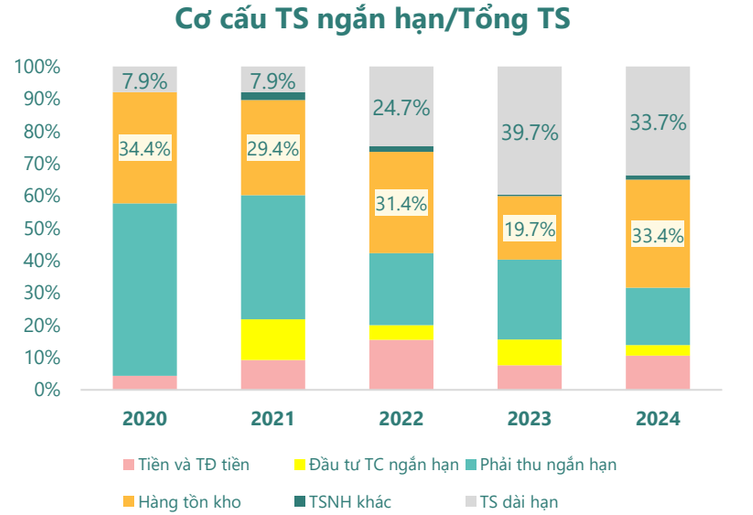
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



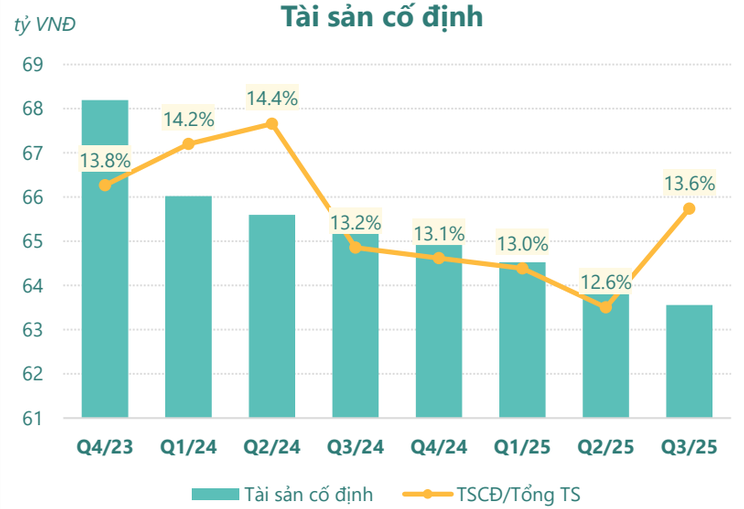
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



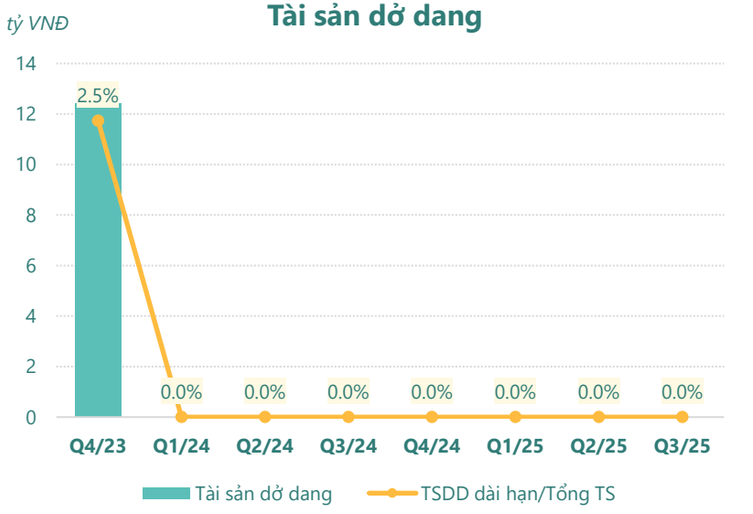
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



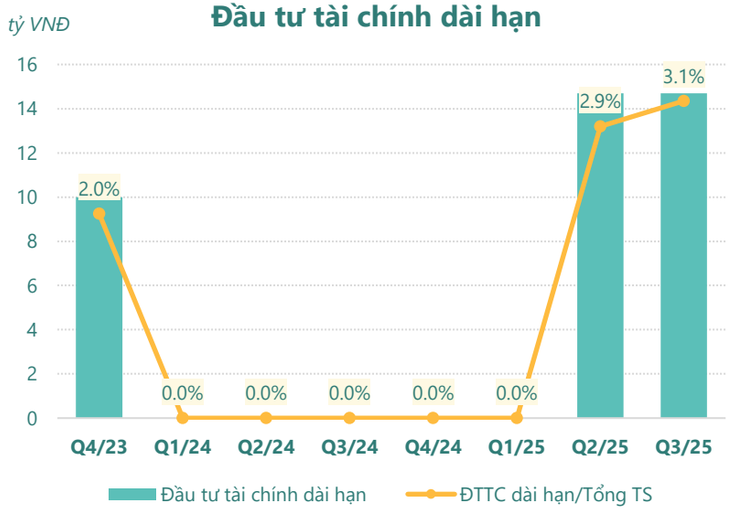
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



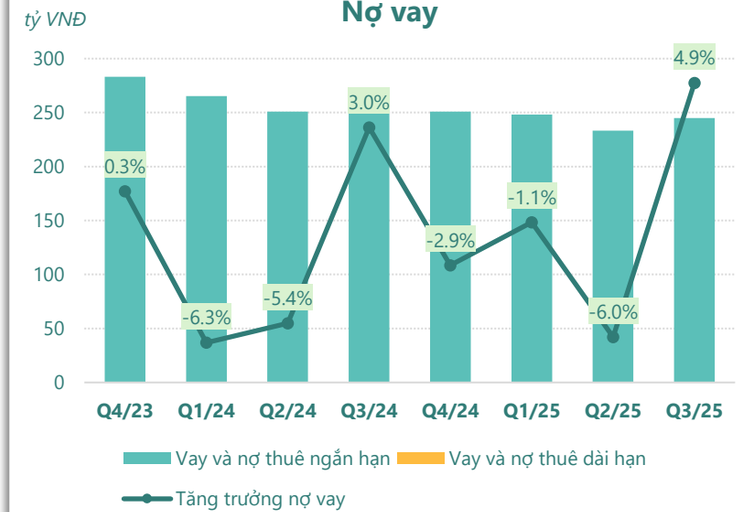
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

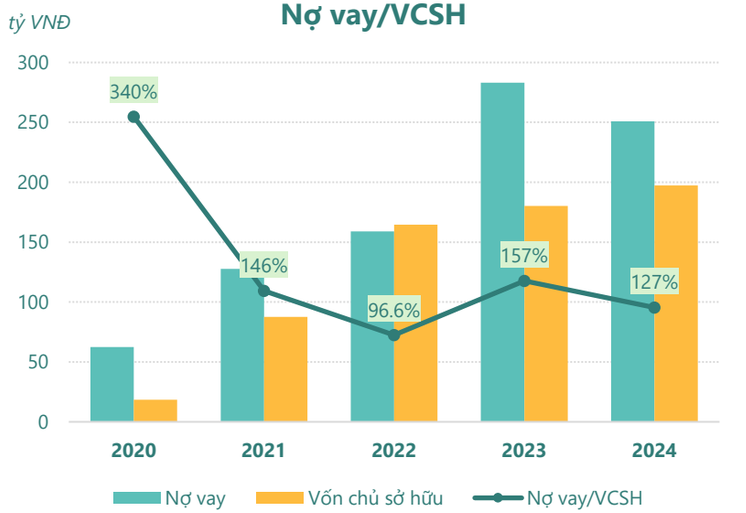
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

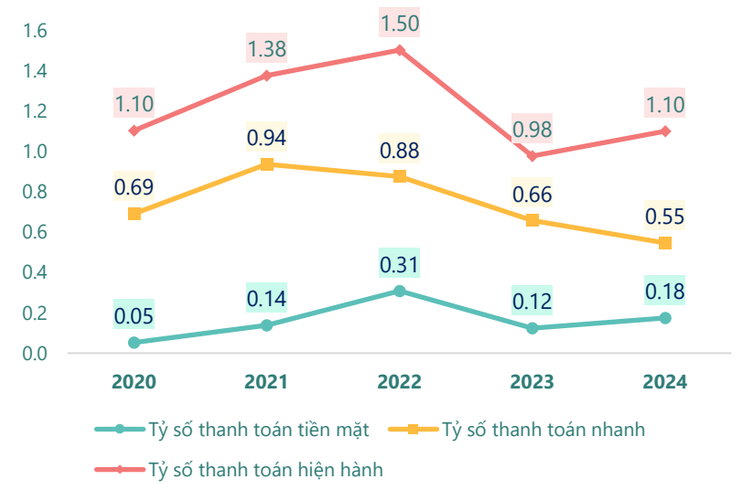
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



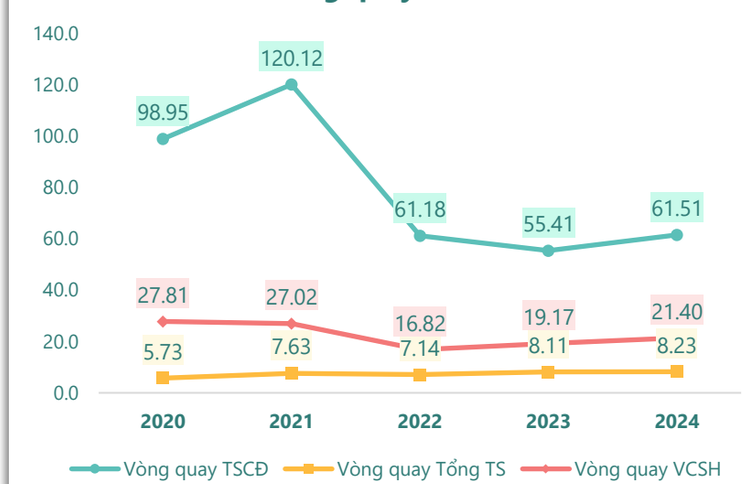
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



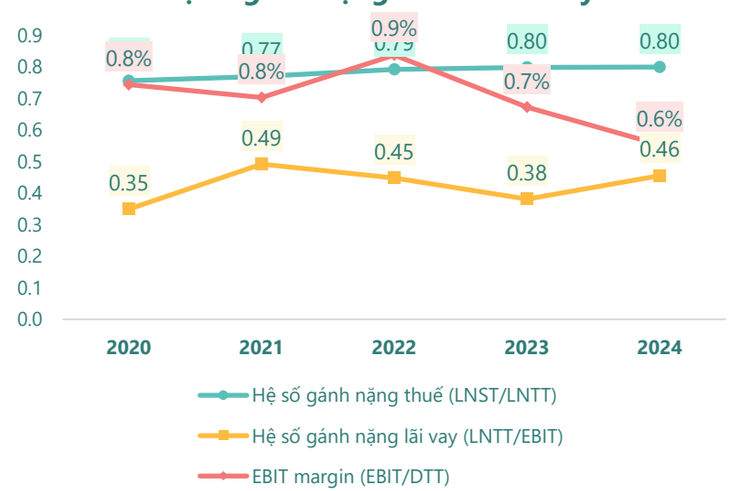
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



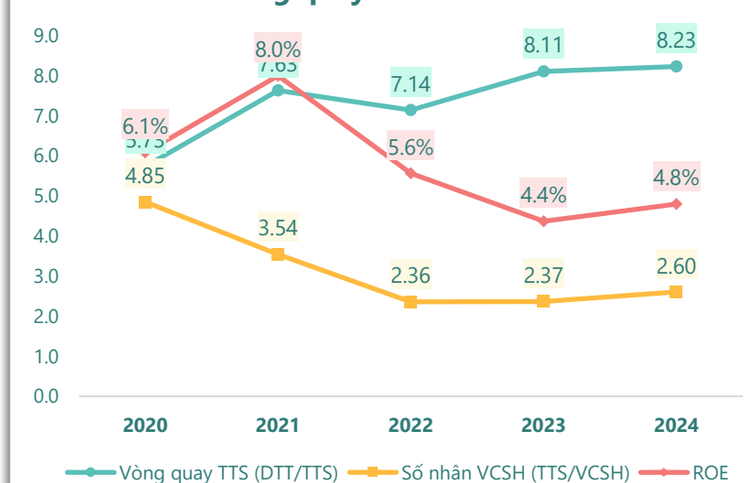
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



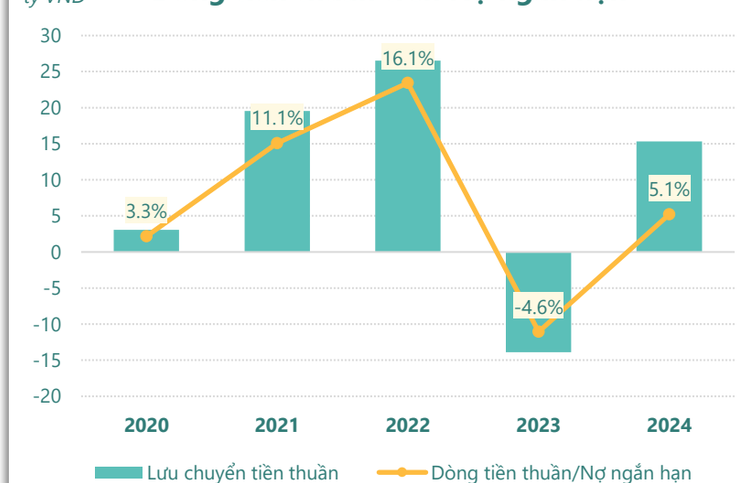
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,177**	**912**	**29.0%**	**3,187**	**2,939**	**8.4%**
Giá vốn hàng bán	1,165	907	28.5%	3,154	2,912	8.3%
Lợi nhuận gộp	11.7	5.22	124%	32.3	27.2	18.9%
Doanh thu HĐTC	0.08	4.93	-98.3%	3.83	5.79	-33.8%
Chi phí TC	3.24	3.35	-3.2%	10.2	10.2	-0.1%
Chi phí lãi vay	3.24	3.30	-1.8%	10.1	10.2	-0.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.69	3.95	18.6%	13.1	11.2	16.6%
Chi phí QLDN	**1.05**	**1.23**	**-14.7%**	**3.41**	**3.66**	**-6.9%**
LN thuần từ HĐKD	2.80	1.62	73.0%	9.48	7.89	20.1%
Lợi nhuận khác	**0.17**	**0.91**	**-81.1%**	**0.17**	**0.91**	**-81.0%**
LN trước thuế	2.98	2.53	17.6%	9.65	8.80	9.7%
Lợi nhuận sau thuế	**2.38**	**2.02**	**17.8%**	**7.72**	**7.04**	**9.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.38**	**2.02**	**17.8%**	**7.72**	**7.04**	**9.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.2	-8.79	29.9	14.0	-17.2	-2.31
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.4	-2.78	-3.77	3.73	22.8	-20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.4	16.2	-3.50	-2.71	-15.0	11.5
Tiền đầu kỳ	29.3	25.0	29.7	52.4	67.4	58.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.24**	**4.67**	**22.6**	**15.0**	**-9.33**	**-10.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.0	29.7	52.4	67.4	58.0	47.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**468**	**496**	**-5.6%**
Tài sản ngắn hạn	307	329	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	47.1	52.4	-10.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.20	16.2	-61.7%
Phải thu ngắn hạn	132	88.2	49.5%
Hàng tồn kho	121	166	-26.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.09	6.68	-83.7%
Tài sản dài hạn	**161**	**167**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	63.6	64.9	-2.1%
Bất động sản đầu tư	81.8	102	-19.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	14.7	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.81**	**0.67**	**20.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	263	299	-11.9%
Nợ ngắn hạn	**263**	**299**	**-11.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	245	251	-2.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.80	36.7	-97.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**205**	**197**	**3.9%**
Vốn chủ sở hữu	**205**	**197**	**3.9%**
Vốn điều lệ	196	182	8.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)